

Bản án số: 41/2021/HS-ST

Ngày: 07-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Huế, Giáo viên trường THCS Phan Chu Trinh, TP. B;
2. ông Cầm Văn Nam, cán bộ hưu trí.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy H**; tên gọi khác: H sút; giới tính: Nam; sinh ngày 04 tháng 10 năm 2001; tại: Lâm Đồng; NĐKNKTT và cư trú: Thôn M, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Nguyễn Duy H và bà: Nguyễn Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm tù ngày 06/11/2020 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1/ Nguyễn Thị Mai U, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2006;

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1969; trú tại: Thôn K, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2/ Phan Anh Kh, sinh năm 1999; trú tại: Số M, đường B, Phường N, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1995; trú tại: Số K đường T, phường B', TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2/ Bùi Đình Ch, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

3/ Trần Trung H, sinh năm 1983; trú tại: Số X đường P, Phường V, TP. B, tỉnh

Lâm Đồng, vắng mặt.

4/ Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1992; trú tại: Số D đường L, thôn T, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ngô Trà M, sinh năm 2003; trú tại: Thôn N, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian tháng 8 năm 2020 và tháng 11 năm 2020, Nguyễn Duy H, đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 28/08/2020, H đang ngồi chơi ở phòng trọ của chị Ngô Trà M, ở địa chỉ: Hẻm N, đường H, Phường V, thành phố B thì cháu Nguyễn Thị Mai U điều khiển xe mô tô biển số 49G1 – 087.24 đến phòng trọ của cháu M ngồi chơi. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày có Nguyễn Ngọc Q, nơi cư trú: Xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cũng đến phòng trọ của M. Tại đây H, M, Q và cháu U ngồi nói chuyện với nhau đến khoảng 19 giờ thì Q mượn xe mô tô biển số: 49G1 – 087.24 của cháu U để đi việc riêng, cháu U đồng ý rồi giao xe cho Q mượn. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày không thấy Q đưa xe về trả, nên cháu U nhờ bạn chở về nhà. Đến khoảng 23 giờ ngày 28/8/2020 Q gọi điện thoại nói với H đến khách sạn K ở địa chỉ số M đường H, phường L, thành phố B để chơi cùng Q. Sau khi nghe điện thoại H đến khách sạn K, trên đường đi H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số: 49G1 – 087.24 của cháu U để cầm đi lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến khách sạn K, H nói với Q là cho H mượn xe mô tô thì Q đưa chìa khoá xe mô tô biển số: 49G1 087.24 cho H mượn, sau đó H điều khiển xe mô tô nói trên đến phòng trọ của anh Nguyễn Thanh Ph, địa chỉ M, đường T, phường B', thành phố B, cầm xe mô tô nói trên cho anh Ph lấy 1.000.000đ (Một triệu đồng). Đến ngày 30/8/2020, H nhắn tin cho cháu U đưa giấy đăng ký xe mô tô đến phòng trọ của M để H đi lấy xe mô tô về cho cháu U, tin tưởng vào lời nói của H nên cháu U đã giao giấy đăng ký xe mô tô biển số 49G1 – 087.24 cho H, sau đó H cầm giấy đăng ký xe mô tô đi gặp Ph để cầm lấy thêm 1.000.000đ (Một triệu đồng). Anh Ph đưa xe mô tô biển số 49G1 – 087.24 cho anh Bùi Đình Ch, nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện B đưa đến tiệm cầm đồ T, địa chỉ số: K, đường P, Phường H, thành phố B cầm lấy 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền H cầm xe mô tô có được đã tiêu xài cá nhân hết. Trong quá trình điều tra thì ông Nguyễn Duy H là bố của H đã liên hệ anh Trần Trung H, là người quản lý tiệm cầm đồ T để bồi thường số tiền 4.500.000đ. Sau đó anh H đã tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 49G1 – 087.24 cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B.

Kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐG ngày 25/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại: SMASH REVO, màu sơn đen, biển số 49G1 – 087.24 có giá trị là 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm ngàn đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 02/11/2020, H đi taxi đến phòng trọ của chị Nguyễn Thiên Tr, địa chỉ: Số N đường Ng, Phường H, thành phố B. Khi tới nơi H gặp anh Phan Anh Kh, nơi cư trú: Số F, đường B, Phường M, thành phố B và H biết được anh Kh có xe mô tô biển số 49K1 – 597.61 đang để ở khu vực phòng trọ của chị Tr, nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nói trên của anh Kh đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, H nói với anh Kh là mượn xe đi xuống nhà anh S ở xã L để lấy tiền. Anh Kh đồng ý nên đã giao chiếc xe mô tô trên cho H điều khiển và chở anh Kh cùng đi tới xã L. Đến quán cà phê Th ở Xóm B, thôn Tân B, xã L, thành phố B, H nói với anh Kh là vào quán uống cà phê và đợi H đi lấy tiền. Sau đó H điều khiển chiếc xe mô tô trên của anh Kh đi cầm cố cho chị Nguyễn Thị Phương D, địa chỉ: Số M đường L, thôn T, xã L, thành phố B được số tiền 8.000.000đ nhưng chị D chỉ đưa cho H số tiền là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Số tiền có được sau khi cầm xe mô tô H đã sử dụng để mua 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 tại cửa hàng F ở đường P, Phường K, thành phố B hết 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm ngàn đồng), chiếc điện thoại này H đã đưa đi đền cho người tên Th (không rõ nhân thân lai lịch), số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) còn lại H đã tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận số 150/KL-HĐĐG ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá định tài sản trong tố tụng Hình sự thành phố B, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng đen, biển số 49K1 – 597.61 tại thời điểm ngày 02/11/2020 có giá trị là 29.520.000đ (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT đã thu giữ và trả lại cho bà Phạm Thị L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng đen, biển số 49K1 – 597.61. Thu giữ và trả lại cho bà Vũ Thị H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại SMASHREVO BKS: 49G1 – 087.24 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005530, tên chủ xe Vũ Thị H.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị H và bà Phan Thị L đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì về dân sự. Anh Trần Trung H là người nhận cầm cố xe mô tô biển số 49G1 – 087.24, sau khi xảy ra sự việc đã được ông Nguyễn Duy H (bố của bị cáo H) bồi thường số tiền là 4.500.000đ nên không có yêu cầu gì về dân sự. Chị Nguyễn Thị Phương D là người nhận cầm cố xe mô tô biển số 49K1- 597.61 không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không có thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng.

Bản Cáo trạng số 40/CT-VKSBL ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Nguyễn Duy H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vào các ngày 28/8/2020 và ngày 02/11/2020 tại thành phố B, Nguyễn Duy H, đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại SMASHREVO BKS: 49G1 – 087.24 của cháu Nguyễn Thị Mai U có giá trị là 5.200.000đ và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng đen, biển số 49K1 – 597.61 của anh Phan Anh Kh có giá trị là 29.520.000đ. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Duy H chiếm đoạt là 34.720.000 đồng. Hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của

công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo H từ 24 đến 30 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về Dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Buộc bị cáo phải nộp số tiền 7.200.000 đồng thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Nguyễn Duy H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại SMASHREVO trị giá 5.200.000đ và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng đen, trị giá 29.520.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo H chiếm đoạt là 34.720.000 đồng. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất mức độ, hậu quả hành của vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác thể hiện thái độ coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại và gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được cơ quan cảnh sát điều tra xử lý nên không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền bị cáo H cầm cố trong vụ thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.200.000 đồng, tuy nhiên số tiền này là tiền thu lợi bất chính cần buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với Nguyễn Ngọc Q người mượn xe mô tô biển số 49G1 087.24 của cháu U. Trong quá trình điều tra H khai báo việc H thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt xe mô tô 49G1 – 087.24 đi cầm lấy tiền, thì H không nói cho anh Q biết và không bàn bạc với anh Q và hiện nay Cơ quan CSĐT chưa làm việc được với anh Q, do đó tách ra khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Trần Trung H, anh Nguyễn Thanh Ph, anh Bùi Đình Ch, Nguyễn Thị Phương D là những người liên quan và nhận cầm cố tài cho H. Khi nhận cầm cố thì các anh H, H, Ph, Ch và chị D không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT không xem xét trách nhiệm hình sự của H, Ph, Ch và D trong vụ án này là có cơ sở.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy H** 02 (Hai) năm, 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020.

2/ Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo H nộp 7.200.000 đ (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

3/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo H phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo, riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;

- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 07 tháng 3 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Lâm Đồng;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Huế; ông Cầm Văn Nam.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2020/HSST ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với: Bị cáo Nguyễn Duy H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1990; tại: Lâm Đồng;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, Khne 2 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy H** 02 (Hai) năm, 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020. Biểu quyết: 3/3.

2/ Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo H nộp 7.200.000 đ (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

3/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Biểu quyết: 3/3.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày 07 tháng 4 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Tú

